

Số: 47/BC-STTTT

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2023

Thực hiện Công văn số 535/SNV-TTr ngày 11/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC) đối với sở ngành trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC quý I năm 2023 của Sở, cụ thể như sau:

1. Kết quả nổi bật trong triển khai thực hiện 6 nội dung CCHC, công tác chỉ đạo, điều hành và một số nhiệm vụ khác có liên quan

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

1.1.1. Về kế hoạch CCHC

Trong quý I, Sở đã ban hành Kế hoạch số 01/KH.CCHC-STTTT ngày 17/01/2023 về việc thực hiện CCHC năm 2023. Trong đó, Sở đã xác định rõ 07 nhiệm vụ với 45 phân việc thực hiện. Sở đã chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở thường xuyên theo dõi, đôn đốc bộ phận chuyên môn triển khai các phân việc đã đề ra trong Kế hoạch CCHC của Sở để đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở đang triển khai thực hiện 20/45 phân việc theo Kế hoạch CCHC quý I năm 2023 của Sở, đạt tỷ lệ 44,44%.

1.1.2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Sở đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-STTTT ngày 13/3/2023 triển khai thực hiện “Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính” tại Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng năm 2023; Quyết định số 12/QĐ-STTTT ngày 04/3/2022 phân công người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác CCHC và công chức tham mưu thực hiện công tác CCHC; Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, trong quý I, Sở đã ban hành 08¹ văn bản triển khai, chỉ đạo, đôn đốc các phòng, đơn vị thực hiện nhiệm vụ liên quan đến CCHC.

¹ - Kế hoạch số 01/KH.CCHC-STTTT ngày 17/01/2023 về việc thực hiện CCHC năm 2023;

- Kế hoạch số 02/KH.CCHC-STTTT ngày 27/01/2023 thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2023;

- Kế hoạch số 03/KH.CCHC-STTTT ngày 30/01/2023 thực hiện rà soát, đánh giá TTHC năm 2023;

- Kế hoạch số 04/KH.CCHC-STTTT ngày 24/02/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023;

- Kế hoạch số 05/KH.CCHC-STTTT ngày 27/02/2023 về phát động phong trào thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2023;

1.1.3. Về kiểm tra CCHC

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 06/KH.CCHC-STTTT ngày 07/3/2023 về kiểm tra công tác CCHC năm 2023, theo đó việc kiểm tra công tác CCHC được thực hiện 5/5 phòng, đơn vị thuộc Sở trong quý III năm 2023.

- Quý I/2023, Sở không có đơn thư khiếu nại về công tác CCHC; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với CBCCVC của Sở.

1.1.4. Tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC tại Sở được thực hiện thường xuyên tại các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt, buổi sinh hoạt chi bộ... của Sở, cập nhật thường xuyên các TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung, các kế hoạch thực hiện công tác CCHC, các tin bài CCHC trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

1.1.5. Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao

a) Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2023:

Theo Phụ lục 01, Báo cáo số 46/BC-STTTT ngày 16/3/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính lĩnh vực chuyên ngành Quý I năm 2023 đã gửi Sở Nội vụ.

b) Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/02/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2023:

Đối với nhiệm vụ tuyên truyền CCHC của tỉnh được giao, Sở đang phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xác định nội dung tuyên truyền và lập dự toán kinh phí để trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán chi tiết thực hiện.

1.1.6. Sáng kiến, giải pháp mới về CCHC

Trong quý I/2023, Sở chưa ghi nhận sáng kiến, giải pháp mới về CCHC tại đơn vị.

1.1.7. Tình hình thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính và Chỉ thị số 10/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND

- Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính và Chỉ thị số 10/CT-TTg và Chỉ thị số 10/CT-CTUBND, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị khóa

- Kế hoạch số 06/KH.CCHC-STTTT ngày 07/3/2023 về kiểm tra công tác CCHC năm 2023;

- Kế hoạch số 07/KH-STTTT ngày 13/3/2023 triển khai thực hiện “Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính” tại Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng năm 2023;

- Kế hoạch số 08/KH.CCHC-STTTT ngày 13/3/2023 về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2023.

XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Thực hiện nghiêm quy định về phát ngôn theo Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện nghiêm nội quy, quy chế làm việc của cơ quan.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo; tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công vụ; tham mưu cho lãnh đạo Sở thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao; nâng cao chất lượng và thực hiện đúng thể thức văn bản, quy định trình ký; nhắc nhở việc trình văn bản cho UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đúng thẩm quyền xử lý; thường xuyên theo dõi, thực hiện nghiêm việc phản hồi báo cáo đối với những việc được UBND tỉnh giao.

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức đối với quá trình tiếp nhận, xử lý công việc tại Sở và tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở.

1.2. Cải cách thể chế

Xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

- Ban hành/trình ban hành VBQPPL: Không.

- Theo dõi thi hành pháp luật: Trong quý I, Sở đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-STTTT ngày 27/02/2023 thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 và phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật chuyên ngành năm 2023 tại Quyết định số 168/QĐ-STTTT ngày 15/12/2022.

- Rà soát, kiểm tra VBQPPL: Trong quý, Sở chưa tiến hành kiểm tra VBQPPL, dự kiến Sở sẽ tổ chức rà soát, kiểm tra VBQPPL trong lĩnh vực thông tin và truyền thông từ quý II/2023.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Hàng tháng, Sở đều tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị thông qua nhiều hình thức cụ thể như: đọc báo pháp luật điện tử, lồng ghép các buổi sinh hoạt, họp lệ, họp chi bộ hàng tháng. Nội dung tập trung vào các Luật, Nghị định mới ban hành và các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực ngành quản lý và có liên quan.

1.3. Cải cách TTHC

1.3.1. Về kiểm soát, rà soát, công khai TTHC

- Về kiểm soát, rà soát TTHC: Sở đã ban hành Kế hoạch số 02/KH.CCHC-STTTT ngày 27/01/2023 thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2023 và Kế hoạch số 03/KH.CCHC-STTTT ngày 30/01/2023 thực hiện rà soát, đánh giá TTHC năm 2023. Trong quý I, Sở đã trình UBND tỉnh công bố TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền

giải quyết của Sở TTTT tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 và phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT tại Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 10/02/2023.

- Về công khai TTHC: Hiện nay, tổng số TTHC của Sở 41 thủ tục đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và niêm yết công khai tại Trung tâm Dịch vụ hành chính công.

1.3.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử

Hiện nay, Sở TTTT chỉ thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa đối với 41 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo đúng quy định. Sở không thực hiện giải quyết TTHC theo có chế một cửa liên thông. Hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và hoàn trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

1.3.3. Kết quả giải quyết TTHC

Trong quý I (từ ngày 15/12/2022-14/3/2023), Sở đã tiếp nhận trực tuyến 33 hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC. Kết quả: Sở đã giải quyết cấp phép cho 33/33 hồ sơ (thuộc TTHC mức độ 4) của đơn vị, tổ chức, công dân đều được giải quyết trước hạn.

1.3.4. Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị

Trong quý I, các hồ sơ đều được giải quyết đúng và trước hạn nên không có phản ánh nào của người dân đối với Sở.

1.4. Cải cách tổ chức bộ máy

1.4.1. Về rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức để sửa đổi bổ sung

Trong quý I, Sở đã rà soát và trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương xây dựng Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở TTTT tại Công văn số 433/UBND-VX ngày 03/3/2023.

1.4.2. Về cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở

Hiện nay, về cơ cấu tổ chức của Sở có Ban Giám đốc Sở, 04 phòng và 01 Trung tâm, gồm: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Chuyên đổi số; Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản và Trung tâm Công nghệ số (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở).

1.4.3. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện tinh giản biên chế

- Tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về giao biên chế công chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của

Chính phủ) trong các cơ quan hành chính, tỉnh Sóc Trăng năm 2023: Sở được UBND tỉnh phân bổ 29 biên chế công chức và 04 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ);

- Tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ) trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tỉnh Sóc Trăng năm 2023: Sở được UBND tỉnh phân bổ 28 người làm việc và 02 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

- Hiện nay, Sở có tổng số 50 công chức, viên chức và người lao động, gồm: 26 công chức, 10 viên chức, 06 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ) và 08 hợp đồng chuyên môn.

- Trong quý I năm 2023, Sở không thực hiện tinh giản biên chế do không có đối tượng thuộc diện tinh giản. Tuy nhiên, Sở đã giải quyết cho 01 đồng chí thôi việc theo nguyện vọng; chuyển công tác 01 đồng chí về Văn phòng UBND tỉnh.

1.4.5. Tình hình thực hiện quy chế làm việc

Trong quý I, Sở tiếp tục thực hiện quy chế làm việc của Sở đã ban hành tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 28/9/2022.

1.4.6. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước

Trong quý I, Sở chưa triển khai thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực thông tin truyền thông ở cấp huyện.

1.5. Cải cách công vụ

1.5.1. Về xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng:

Trong quý, Sở đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Sở năm 2023 (ban hành đính kèm Báo cáo số 265/BC-STTTT ngày 14/12/2022 về báo cáo Kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023). Theo đó, trong năm 2023, Sở đưa 04 chuyên viên học lớp Trung cấp chính trị, 01 chuyên viên chính học lớp chuyên viên cao cấp, 02 chuyên viên học lớp chuyên viên chính, 02 chuyên viên học lớp lãnh đạo cấp phòng, 01 chuyên viên học tiếng dân tộc.

1.5.2. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức năm 2023

Trong quý I, Sở đã trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức tại Trung tâm Công nghệ số tỉnh Sóc Trăng thuộc Sở TTTT năm 2023 tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 08/3/2023; Theo đó, Sở đã ban hành thông

báo tuyên dụng viên chức số 04/TB-STTTT ngày 10/3/2023 và công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các thí sinh biết và tham gia thi tuyển. Thời gian tổ chức tuyển dụng vào quý II/2023.

1.5.3. Về các chế độ chính sách khác

Lãnh đạo Sở luôn quan tâm thực hiện các chế độ chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở; chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn được thực hiện kịp thời. Việc theo dõi giải quyết nghỉ phép của công chức, viên chức và người lao động cũng được thực hiện thường xuyên, đúng quy định.

1.6. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm, sử dụng ngân sách có hiệu quả, đúng mục đích theo tinh thần của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả luật quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị. Thực hiện công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 của Sở theo đúng quy định của Luật ngân sách.

1.7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Trong quý, Sở đã trình UBND tỉnh Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 22/TTr-STTTT ngày 09/3/2023; ban hành Công văn số 392/STTTT-CĐS ngày 08/3/2023 gửi các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố kết quả phát sinh hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo chỉ tiêu được giao; xây dựng phần mềm lập hồ sơ điện tử "istorage.soctrang.gov.vn" theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư và hệ thống chức năng lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; xây dựng lộ trình và cam kết tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, thực hiện triển khai các dự án khởi công mới và dự án chuyển tiếp để kịp giải ngân theo kế hoạch.

1.8. Số liệu thực tế

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Khó khăn, hạn chế

Trong quý chưa có nhiều tin bài tuyên truyền CCHC đăng trên Chuyên trang CCHC, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và của Sở; chưa có mô hình, sáng

kiến, giải pháp CCHC triển khai tại Sở; công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến CCHC chưa được lãnh đạo các phòng, đơn vị quan tâm.

3. Kiến nghị, đề xuất

- Lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc cần quan tâm, thường xuyên theo dõi, đôn đốc bộ phận chuyên môn trong triển khai các nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực phụ trách, nhất là các nhiệm vụ UBND tỉnh giao và có sáng kiến, giải pháp về CCHC; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng trong triển khai các nhiệm vụ CCHC và cung cấp nội dung, số liệu báo cáo công tác CCHC định kỳ.

- Văn phòng Sở theo dõi, đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở triển khai các nhiệm vụ CCHC tại Sở theo Kế hoạch CCHC hằng năm của Sở.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC quý I năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để tổng hợp);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Hạnh

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ I NĂM 2023 CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Báo cáo số 47/BC-STTTT ngày 16/3/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|---|------------------|---------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| I | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | | | |
| 1 | Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo) | % | | Kế hoạch số 01/KH.CCHC-STTTT ngày 17/01/2023 về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2023 |
| | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 45 | |
| | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | | Các nhiệm vụ đang triển khai là 20 phần việc, chưa có nhiệm vụ hoàn thành trong quý I |
| | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành | Văn bản | 8 | |
| 2 | Kiểm tra CCHC | | | Kế hoạch số 06/KH.CCHC-STTTT ngày 07/3/2023 về kiểm tra công tác CCHC năm 2023 |
| | Số phòng ban đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | | |
| | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | | |
| 3 | Tuyên truyền CCHC | | | Kế hoạch số 04/KH.CCHC-STTTT ngày 24/02/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023 |
| | Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch | % | 25 | |

| | | | | |
|---|---|---------------------|---|---|
| | Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/) | Tin, bài | | |
| | Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị | Tin, bài | | |
| | Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...) | Tin, bài | | |
| | Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,... | Không = 0 Có = 1 | 1 | Trong quý, Sở đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt tới toàn thể công chức, viên chức thuộc Sở, đảng viên các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Sở và đoàn viên, hội viên các tổ chức đoàn thể thuộc Sở các văn bản chỉ đạo của cấp trên và của Sở về CCHC thông qua các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt của Sở, cuộc họp cấp ủy, họp các chi bộ trực thuộc Sở (định kỳ mỗi tháng họp 1 lần) và duy trì hoạt động tuyên truyền trên trang Fanpage CCHC https://www.facebook.com/tuyentruyendichvucongsoctrang . |
| 4 | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao | | | |
| | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 7 | Các nhiệm vụ đang triển khai theo tiến độ tại Kế hoạch số 27/KH-UBND và KH 192/KH-UBND của UBND tỉnh Sóc Trăng |

| | | | | |
|-----------|--|---|---|--|
| | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | | |
| | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | | |
| 5 | Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC | Không = 0 Có = 1 | 0 | Ghi rõ tên sáng kiến, nội dung, văn bản triển khai, đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện |
| 6 | Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC | Không = 0 Có = 1 | 0 | |
| 7 | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức | | | |
| | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | | |
| | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 | | |
| | Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo | % | | |
| 8 | Việc chấp hành Chỉ thị 10/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10/CT-TTg và Chỉ thị 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính | Tốt = 1 Có vi phạm = 0 | 1 | Ghi rõ nội dung vi phạm |
| 9 | Nhiệm vụ khác (nếu có) | | | |
| II | Cải cách thể chế | | | |
| 1 | Số VBQPPL đã tham mưu ban hành | Văn bản | | |

| | | | | |
|------------|---|---------------------|----|---|
| | Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ | Văn bản | | |
| | Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định | Văn bản | | |
| 2 | Rà soát VBQPPL | | | |
| | Số VBQPPL phải rà soát | Văn bản | | |
| | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | | |
| | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát | Văn bản | | |
| | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | | |
| 3 | Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật | Không = 0 Có = 1 | 1 | |
| | Số lượng văn bản đã tuyên truyền | Văn bản | 12 | Nội dung tuyên truyền PBGDPL: tuyên truyền các dự án đầu tư xây dựng công trình trọng điểm; an toàn giao thông; giờ trái đất; xã hội học tập; phòng chống ma túy; thủ tục hành chính; phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; phòng cháy chữa cháy; phòng ngừa tội phạm trên mạng xã hội; an toàn hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô; phòng chống dịch bệnh dịp tết Nguyên đán và mùa lễ hội; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; an toàn sử dụng mạng lưới điện,... |
| III | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 1 | Kiểm soát TTHC | Không = 0 | 1 | Kế hoạch số 02/KH.CCHC-STTTT ngày 27/01/2023 thực |

| | | | | |
|---|---|---------------------|----|---|
| | | Có = 1 | | hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2023 |
| | Số lượng TTHC thực hiện rà soát | TTHC | 2 | UBND tỉnh công bố TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 |
| 2 | Kế hoạch rà soát TTHC | Không = 0 Có = 1 | | Kế hoạch số 03/KH.CCHC-STTTT ngày 30/01/2023 thực hiện rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 (Nhóm TTHC của Sở không thuộc danh mục cần phải rà soát theo Kế hoạch của UBND tỉnh Sóc Trăng) |
| 3 | Đơn giản hóa TTHC | Không = 0 Có = 1 | 0 | |
| | Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định | Thủ tục | | - Tên TTHC - Thời gian rút ngắn |
| | Giảm thành phần hồ sơ | Thủ tục | | - Tên TTHC - Thành phần hồ sơ |
| | Khác | Thủ tục | | |
| 4 | Thống kê TTHC | | | |
| | Số TTHC được công bố mới | Thủ tục | | |
| | Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | | Quyết định số ... |
| | Tổng số TTHC đang có hiệu lực: | Thủ tục | 41 | |
| | - Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị: | Thủ tục | 41 | |
| | - Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc: | Thủ tục | | |

| | | | | |
|-----------|--|---------------------|-----|---|
| 5 | Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết | Không = 0 Có = 1 | 1 | |
| | Số lượng ý kiến đã tiếp nhận | Ý kiến | | Tóm tắt kiến nghị |
| | Số lượng ý kiến đã giải quyết | Ý kiến | | Văn bản trả lời |
| 6 | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | | |
| | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | | |
| | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | 100 | |
| | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | 100 | |
| 7 | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| | Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận | | 33 | |
| | Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả | | 33 | |
| | Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100 | Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn/Số lượng TTHC đã giải quyết: 33/33 |
| IV | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước | | | |

| | | | | |
|---|--|-----------------|---|--|
| 1 | Cơ cấu tổ chức bộ máy | | | |
| | Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở | Cơ quan, đơn vị | 4 | |
| | Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | 1 | |
| | Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | 3 | |
| | Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có) | % | | |
| | Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có) | % | | |

| | | | | |
|---|--|-------|----|---|
| 2 | Số liệu về biên chế công chức | | | Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng |
| | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 29 | |
| | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 26 | |
| | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 4 | |
| | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm | % | | |
| 3 | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) | | | Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng |
| | Tổng số người làm việc được giao | Người | 28 | |
| | Tổng số người làm việc có mặt | Người | 10 | |
| | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| | Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm | % | | |
| 4 | Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có) | | | Quyết định số ... |
| | Tổng số người làm việc được duyệt | Người | | |
| | Tổng số người làm việc có mặt | Người | | |

| | | | | |
|---|--|-----------------|---|---|
| 5 | Số liệu về lãnh đạo | | | |
| | Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành | Người | 3 | |
| | Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành | Người | 8 | |
| | Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc | Người | 3 | |
| 6 | Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước | | | Kế hoạch số ... |
| | Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | | |
| | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | | |
| 7 | Thanh tra chuyên ngành | | | Quyết định số 168/QĐ-STTTT ngày 15/12/2022. |
| | Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra | Cơ quan, đơn vị | | |

| | | | | |
|----------|--|---------------------|---|--|
| | Số vấn đề phát hiện qua thanh tra | Vấn đề | | |
| | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | | |
| V | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 1 | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| | Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Không = 0 Có = 1 | 1 | Đề án 02/ĐA-STTTT ngày 31/5/2022 Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và xác định cơ cấu ngạch công chức tại Sở TTTT |
| | Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ | Không = 0 Có = 1 | 1 | Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng |
| 2 | Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có) | | | Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 |
| | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | | |
| | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | | |
| | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | | |
| | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | | |
| 3 | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo | | | Quyết định số ... |

| | | | | |
|---|---|--|----|--|
| | Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0 | | |
| | Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | | |
| | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 1 | Quyết định số 08/QĐ-STTTT ngày 22/02/2022 về bổ nhiệm Bà Lê Thị Thùy Trang, giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Sở |
| | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 1 | Quyết định số 174/QĐ-STTTT ngày 22/12/2022 Bổ nhiệm bà Trần Thị Dĩnh Xuyên, giữ chức vụ Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trung tâm Công nghệ số |
| 4 | Công tác đào tạo, bồi dưỡng | | | |
| | Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch | Người | 10 | Báo cáo số 265/BC-STTTT ngày 14/12/2022 về báo cáo Kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2023 |
| | Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế | Người | | |
| 5 | Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác | | | Kế hoạch số 22/KH-STTTT ngày 30/3/2022 Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng, năm 2022 |
| | Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định | Người | | |
| | Kết quả thực hiện thực tế | Người | | |
| 6 | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền). | | | Quyết định số ... |

| | | | | |
|-----------|---|---------------------|---|--|
| | Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật. | Người | | |
| | Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật. | Người | | |
| | Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật. | Người | | |
| | Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật. | Người | | |
| | Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | | |
| | - Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn | | | |
| | - Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần | | | |
| | - Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo | | | |
| VI | Cải cách tài chính công | | | |
| 1 | Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định | Có = 1 Không = 0 | 1 | Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. |
| 2 | Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm | Cơ quan, đơn vị | | Ghi rõ số lượng đơn vị đã triển khai/tổng số đơn vị |

| | | | | |
|------------|---|---------------------|---|--|
| | về quản lý kinh phí hành chính | | | |
| 3 | Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ | | | Văn bản số... |
| | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Cơ quan, đơn vị | 1 | |
| | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | Cơ quan, đơn vị | | |
| 4 | Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định | Có = 1 Không = 0 | 1 | Quyết định số 41/QĐ-STTTT ngày 24/5/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản công tại Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 70/QĐ-STTTT ngày 26/7/2022 về việc 3 điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản công của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng. |
| 5 | Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định | Cơ quan, đơn vị | | Ghi rõ tên đơn vị |
| VII | Xây dựng và phát triển Chính quyền | | | |

| | | | | |
|---|--|---------------------|-----|--|
| | điện tử, Chính quyền số | | | |
| 1 | Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT | Có = 1 Không = 0 | 1 | Đã trình UBND tỉnh Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 22/TTr-STTTT ngày 09/3/2023 |
| 2 | Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT | Người | 1 | |
| 2 | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| | Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (văn bản điện tử và văn bản giấy) | Văn bản | 573 | |
| | <i>- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i> | Văn bản | 531 | |
| | <i>- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy</i> | Văn bản | 41 | |
| 2 | Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | Có = 1 Không = 0 | 1 | |
| 3 | Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 | | | |
| | Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | | | |
| | <i>- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp</i> | TTHC | | |

| | | | | |
|--|---|-------------|----|--|
| | <i>trực tuyến mức độ 3</i> | | | |
| | <i>- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i> | <i>TTHC</i> | | |
| | <i>- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>TTHC</i> | | |
| | Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 | | | |
| | <i>- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i> | <i>TTHC</i> | 41 | |
| | <i>- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i> | <i>TTHC</i> | 41 | |
| | <i>- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i> | <i>TTHC</i> | 2 | |
| | Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia | TTHC | 11 | |
| | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | TTHC | 33 | |
| | Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận | TTHC | 33 | |

| | | | | |
|---|---|---------------------|----|---|
| | trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | | | |
| | Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...) | TTHC | 6 | |
| | Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh | TTHC | 6 | |
| 4 | Vận hành hệ thống báo cáo cấp tỉnh | Có = 1 Không = 0 | 1 | Số lượng báo cáo định kỳ đã được điện tử hóa/Số lượng báo cáo định kỳ tại đơn vị: |
| 5 | Sử dụng phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao | Có = 1 Không = 0 | 0 | |
| 6 | Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức | Người | 33 | |
| 7 | Số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số | Người | 3 | |
| 8 | Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản | Số lượng phần mềm | 2 | Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý tài sản |
| 9 | Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) | | | |

| | | | | |
|----|---|---------------------|----|---|
| | Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI) | TTHC | 10 | |
| | Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI | TTHC | | |
| | Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI | TTHC | | |
| | Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| | Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| 10 | Áp dụng ISO trong hoạt động | | | |
| | Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO | Có = 1 Không = 0 | 1 | Quyết định công bố 132/QĐ-STTTT ngày 28/9/2022 |
| | Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ | Có = 1 Không = 0 | 1 | |
| | Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng | Có = 1 Không = 0 | 1 | |
| | Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO | Có = 1 Không = 0 | 0 | Quyết định công bố: (nếu không công bố: ghi rõ lý do) |

| | | | | |
|--|---|---------------------|---|--|
| | Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ | Có = 1 Không = 0 | 0 | |
| | Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng | Có = 1 Không = 0 | 0 | |